

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 71

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Thanh Văn

Đoạn 5:

Lại nữa, có bảy thứ nghĩa:

1. Nghĩa nên suy xét.
2. Nghĩa nên gồm thấu.
3. Nghĩa nên xa lánh.
4. Nghĩa nên dẫn dắt.
5. Nghĩa nên ngăn chặn.
6. Nghĩa nên duy trì.
7. Nghĩa nên phát khởi.

Lại nữa, có bảy thứ hỷ:

1. Hỷ do Văn dẫn phát.
2. Hỷ do Tư dẫn phát.
3. Hỷ do Tu dẫn phát.
4. Hỷ do lìa cái dẫn phát.
5. Hỷ do nghị luận dẫn phát.
6. Hỷ do nhớ nghĩ về tự công đức dẫn phát.
7. Hỷ do đối với các thứ thấp kém không sanh biết đủ dẫn phát.

Lại nữa, có năm thứ pháp:

1. Pháp giáo hóa.
2. Pháp hành trì.
3. Pháp thấu nhận.
4. Pháp thọ dụng.
5. Pháp chứng đắc.

Lại nữa, gồm đủ ba thứ đức, mới có thể khéo có được tài sản:

1. Đức do cung.
2. Đức do tên.
3. Đức do trúng đích.

Cung có hai đức:

1. Tánh bền chắc.
2. Khéo tạo được cứu cánh.

Tên có một đức: Là khéo tạo được cứu cánh.

Trúng đích có ba đức:

1. Công xảo cứu cánh.
2. Công xảo quen tập.
3. Công xảo sư học.

Lại nữa, sự giáo hóa của Như lai có ba thứ:

1. Giáo hóa trong thời gian dài.
2. Giáo hóa không gián đoạn.
3. Giáo hóa không thuyết giảng trùng lặp.

Lại nữa, vô lượng pháp giáo của Như lai đều do ba thứ lý thú:

1. Do lý thú của nghĩa có sai biệt.
2. Do lý thú của Văn có sai biệt.
3. Do lý thú của khó giải thích có sai biệt.

Lại nữa, phạm là người hội nhập nơi đạo cần có năm thứ đối trị:

1. Đối trị ánh sáng rực rỡ.
2. Đối trị gian nan hiểm trở.
3. Đối trị nơi sông suối.
4. Đối trị nơi khô cạn.
5. Đối trị thân lao nhọc.

Lại nữa, Thi-la có hai thứ tướng có thể đi đến nẻo thiện:

1. Thi-la thân nhận.
2. Thi-la không thiếu sót.

Lại nữa, các kẻ thọ dục, ở trong hiện pháp có ba thứ nghĩa:

1. Truy tìm của cải, vật báu.
2. Giữ gìn tài sản, vật báu.
3. Tham đắm thọ dụng.

Lại nữa, thọ mạng biến hoại có hai thứ:

1. Biến hoại thô.
2. Biến hoại tế.

Phần vị biến hoại cũng có hai thứ:

1. Thô.
2. Tế.

Lại nữa, Trí có hai đức:

1. Đức hành nghĩa đúng đắn.
2. Đức của tự tánh.

- Đức hành nghĩa đúng đắn: Là chánh hành mau chóng, chánh hành quyết định, chánh hành vi tế.

- Đức của tự tánh: Tức là địa định, không thể thối chuyển. Là đã khéo tu tập pháp xuất thế gian, đối với chỗ hành của chính mình không có trở ngại, hơn hẳn tất cả thiện căn tự loại còn lại, hơn hẳn tất cả thiện căn tha loại.

Lại nữa, có ba thứ luyến tiếc, tu bốn niệm trụ có thể đối trị:

1. Luyến tiếc về trợ bạn.
2. Luyến tiếc về lợi dưỡng.
3. Luyến tiếc về hữu sau.

Lại nữa, gia hạnh, hiện quán, tương tục.

Đối trị dục tham, vô minh là gia hạnh. Hiện thấy đế an lập, phi an lập là hiện quán. Đã lìa dục, chưa lìa dục là tương tục.

Lại, nường, địa, phẩm, chưa tu định, đã tu, chưa được, được. Chương của chỗ dựa thanh tịnh. Chương của tác ý thanh tịnh. Tức đối trị chương kia.

Lại nữa, như nói “Sáu thứ hiện quán, là hiện quán của Tư cho đến hiện quán cứu cánh.

Hỏi: Hiện quán của Tư có tướng gì?

- Đáp: Nếu hữu tình thành tựu hiện quán Tư, tức có thể quyết định biết rõ về các hành vô thường, tất cả hành khổ, các pháp vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh.

Trụ nơi phần vị phàm phu, đã có thể chứng đắc quyết định như thế, không phải các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm cùng các loại khổ có thể như pháp dẫn đạo.

Hỏi: Hiện quán của Tín có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán Tín: Hoặc là phàm phu, hoặc không phải là phàm phu, hoặc ở nơi hiện pháp, hoặc ở trong hiện pháp ví hậu pháp, trọn không vọng xưng là đại sư khác, là pháp khéo thuyết giảng khác, là Tăng hành chân chánh khác.

Hỏi: Hiện quán của Giới có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán về Giới, thì người ấy trọn không còn có thể cho đến cố tâm giết hại loài Bàng sanh, không cho mà lấy, hành tập dục tà, biết mà nói dối, uống rượu làm bằng gạo v.v... nơi các chốn phóng dật.

Hỏi: Trí hiện quán hiện quán về đế có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu Trí hiện quán hiện quán về đế, thì trọn không còn có thể dựa nơi các vọng kiến mà có tạo tác, đối với chỗ đã tự chứng mà có nghi hoặc, đối với các xứ sanh mà có tham nhiễm, tướng thế gian hiện hành cho là thanh tịnh. Phỉ báng Thanh-văn, Độc giác, Đại thừa, tạo nghiệp của nẻo ác, hưởng hồ là có thể tạo các nghiệp vô gián như hại cha mẹ v.v... cho đến không thể sanh nơi hữu thứ tám.

Hỏi: Trí hiện quán biên, hiện quán về đế có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu Trí hiện quán biên, hiện quán về đế, thì người ấy trọn không đối với chỗ cật vấn của kẻ khác kia mà sanh sợ hãi.

Hỏi: Hiện quán về cứu cánh có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán về cứu cánh, thì người đó trọn không thể phạm đối với năm xứ, cũng lại không thể cho đến cố ý đoạn mạng sống các bàng sanh, không cho mà lấy, hành phi phạm hạnh, tập pháp dâm dục, biết mà nói dối, tích tập tài sản, vật báu, các vật dụng của dục diệu để thọ dụng. Cũng không sợ hãi không thể ghi sự, cũng không vọng chấp nơi khổ vui hiện có. Tự tạo, tha tạo, tự tha cùng tạo, phi tự phi tha làm nhân mà sanh. Các loại như thế, nên biết đó gọi là các tướng của hiện quán.

Hỏi: Hiện quán của Tư, tự tánh là gì?

Đáp: Huệ do Tư phẩm thượng tạo thành là tự tánh. Hoặc huệ ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần là tự tánh.

Hỏi: Hiện quán của Tín, tự tánh là gì?

Đáp: Tín thanh tịnh thế gian xuất thế gian, duyên nơi phẩm thượng thuộc cảnh của Tam bảo, là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần làm tự tánh.

Hỏi: Hiện quán của Giới, tự tánh là gì?

Đáp: Nghiệp thân, ngữ được Thánh yêu thích là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần là tự tánh.

Hỏi: Trí hiện quán hiện quán về đế, tự tánh là gì?

Đáp: Huệ duyên nơi cảnh của đế phi an lập, là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần, là tự tánh.

Hỏi: Hiện quán về cứu cánh, tự tánh là gì?

Đáp: Tận trí, Vô sanh trí là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần, là tự tánh.

Hỏi: Sáu hiện quán này, bao nhiêu thứ là thuộc cõi Dục, cho đến

bao nhiêu thứ là không hệ thuộc?

Đáp: Một thứ chỉ hệ thuộc cõi Dục. Một phần của một thứ, hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Tức một phần này cùng ba thứ còn lại, bốn thứ này là không hệ thuộc. Một thứ thì hệ thuộc chung cùng không hệ thuộc.

Hỏi: Sáu hiện quán này, có mấy thứ dựa nơi vị trí, dựa nơi cái gì để đạt được? Có mấy thứ cho đến dựa nơi xứ Vô sở hữu, dựa vào cái gì để đạt được?

Đáp: Một thứ dựa vào không chỗ dựa có thể đạt được. Số còn lại dựa vào tất cả chỗ dựa có thể đạt được.

Lại, ba thứ dựa vào năm chỗ dựa sanh, một phần của một thứ cũng thế.

Hỏi: Nếu trí hiện quán, hiện quán về đế, là các tướng nên gọi là không phân biệt. Vì sao dựa nơi chỗ dựa có tầm có tứ có thể đạt được?

Đáp: Do người kia tư duy về chân như nơi Tĩnh lực toàn phần như tầm, tứ v.v... để nhập định, thế nên tuy dựa nơi Tĩnh lực có tầm có tứ mà có thể đạt được. Nhưng là là tướng không có phân biệt.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ duyên nơi Thế tục đế? Bao nhiêu thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế?

Đáp: Một thứ duyên nơi Thế tục đế cùng một phần của một loại. Một thứ không có đối tượng duyên. Hai thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế an lập cùng một phần của một loại. Một thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế phi an lập cùng một phần của một loại.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có tướng, bao nhiêu thứ vô tướng?

Đáp: Bốn thứ có tướng, một thứ vô tướng, một thứ cũng có tướng, cũng vô tướng.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có phân biệt, bao nhiêu thứ không phân biệt?

Đáp: Như có tướng, không tướng, nên biết có phân biệt không phân biệt cũng thế.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là Hỷ cùng hành, bao nhiêu thứ là Lạc cùng hành, bao nhiêu thứ là Xả cùng hành?

Đáp: Hiện quán thứ nhất chỉ là Hỷ cùng hành. Các thứ còn lại thì chung cho Hỷ Lạc Xả cùng hành.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng hoại, bao nhiêu thứ là đối trị bằng đoạn, bao nhiêu thứ là đối trị bằng nắm giữ, bao nhiêu thứ là đối trị phần xa?

Đáp: Hai thứ chỉ là đối trị do đoạn, một thứ thì chung cho đối trị bằng đoạn, nắm giữ, phân xa, một thứ thì chung cho đối trị bằng nắm giữ và phân xa. Hai thứ thì không đối trị.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng chế phục các triền, bao nhiêu thứ là đối trị bằng vĩnh viễn loại trừ tùy miên?

Đáp: Ba thứ là đối trị bằng chế phục các triền, một thứ là cùng đối trị chung bằng hai loại, hai thứ cùng không đối trị.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng đoạn trừ phiền não nơi phẩm thượng trung hạ của mỗi địa?

Đáp: Một thứ. Các thứ còn lại tùy thuận theo đấy làm trợ bạn, không phải đối trị bằng đoạn trừ.

Hỏi: Sáu hiện quán, đạt được chín biến tri. Nghĩa là:

- Phiền não thuộc cõi Dục do Kiến Khổ Tập, được đoạn nên lập Biến tri thứ nhất.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Khổ Tập đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ hai.

- Phiền não thuộc cõi Dục, do Kiến Diệt đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ ba.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Diệt đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ tư.

- Phiền não thuộc cõi Dục do Kiến Đạo đoạn, đã đoạn nên lập Biến tri thứ năm.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Đạo đoạn, đã đoạn nên lập Biến tri thứ sáu.

- Kiết hạ phần được đoạn, nên lập Biến tri thứ bảy.

- Sắc tham được đoạn, nên lập Biến tri thứ tám.

- Vô sắc tham được đoạn, nên lập Biến tri thứ chín.

Vậy sáu hiện quán này, thứ nào được quả của bao nhiêu Biến tri?

Đáp: Một thứ được quả của chín thứ Biến tri. Các thứ còn lại không được quả của các Biến tri kia.

Hỏi: Các hiện quán này, có thể làm đối trị đoạn trừ phiền não, là chúng sanh rồi mới tạo đối trị, đoạn trừ, hay là chúng chưa sanh?

Đáp: Ở đây chẳng phải là chưa sanh. Tuy nói sanh rồi nhưng không phải là thời gian sau. Nên biết đối trị lúc đoạn trừ phiền não, lúc sanh là bình đẳng, bình đẳng. Tức vào bấy giờ, giả nêu đặt, nói đối trị các phiền não đã sanh.

Hỏi: Các hiện quán này, thứ nào được bao nhiêu quả?

Đáp: Một thứ được tất cả bốn quả. Một thứ được quả Sa môn viên mãn. Các thứ còn lại, khi ấy là được một trợ bạn, là được hành trước.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có thể chuyển căn?

Đáp: Trừ một thứ, là tất cả các thứ còn lại.

Hỏi: Hiện quán của Tư, nên nói là đạo nghiệp gì? Cho đến hiện quán về cứu cánh, nên nói là tạo nghiệp gì?

Đáp: . Hiện quán của Tư, nên nói là có thể sanh pháp thiện của phẩm thanh tịnh thuộc về chánh hạnh, là nghiệp. Có thể sanh hoan hỷ không tội, là nghiệp. Có thể chuyển tất cả chỗ nghi ngờ, là nghiệp. Có thể hưởng nhập tu tập công đức, là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán còn lại, là nghiệp. Có thể đi tới hết thủy nẻo thiện, là nghiệp.

Hiện quán của Tín, do ý lạc, nên ở trong Tam bảo có thể sanh thắng giải bất động, là nghiệp, chánh hành thanh tịnh, là nghiệp. Một phần có thể đi đến nẻo thiện, là nghiệp.

Hiện quán của Giới, giải thoát các khổ của nẻo ác, là nghiệp.

Trí hiện quán hiện quán về đế, có thể đạt được tất cả quả Sa-môn, là nghiệp. Có thể dẫn phát tất cả công đức thanh tịnh, là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán còn lại, là nghiệp. Có thể ở nơi nẻo thiện hỗ trợ chiêu cảm quả cùng dị thực sáng sạch, là nghiệp.

Trí hiện quán biên, hiện quán về đế, có thể ở trong tất cả đế an lập khéo léo hỏi đáp là nghiệp. Huệ mau chóng thông đạt là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán sau này, là nghiệp.

Hiện quán về cứu cánh: Có thể dẫn đến hiện pháp lạc trụ bậc nhất, là nghiệp. Giải thoát tất cả khổ lớn của sanh tử, là nghiệp. Giữ vững lấy thân sau cùng, là nghiệp.

Hỏi: Hiện quán của Tư có bao nhiêu loại? Cho đến hiện quán về cứu cánh có bao nhiêu loại?

Đáp: Hiện quán của Tư nên biết có vô lượng loại. Nghĩa là:

Tư về Khế kinh. Tư về ứng tụng. Tư về Ký biệt. Cho đến Tư về Phương quảng, pháp Vị tăng hữu, Luận nghị. Tư về Khổ. Tư về Tập Diệt Đạo. Tư về Chân như, Thật đế, Pháp giới. Tư về Uẩn xứ giới. Tư về thừa Thanh văn v.v... Tư về Đại thừa. Các loại như thế nên biết về sai biệt có vô lượng Tư.

Hiện quán của Tín cũng có vô lượng loại. Nghĩa là nhớ nghĩ đúng về vô lượng chư Phật Chánh đẳng Chánh giác nơi quá khứ cùng Pháp và Tăng. Như đối với quá khứ, thì hiện tại vị lai cũng thế. Lại, nhớ nghĩ đúng về chư Như lai cùng Pháp, Tăng hiện có trong thế giới này cùng vô lượng thế giới của mười phương khác, theo sự nhớ nghĩ đúng đắn có

từng ấy số lượng, cũng có từng ấy hiện quán về Tín với thể, phẩm, số sai biệt.

Hiện quán của Giới cũng có vô lượng loại.

Nghĩa là tùy theo sự xa lìa tánh tội của mười thứ nghiệp đạo bất thiện với nhiều loại sai biệt. Lại, tùy theo sự tương tục cũng có nhiều loại. Nghĩa là thân Dự lưu cho đến A-la-hán, thân Độc giác Bồ đề, Như lai có vô lượng sai biệt.

Trí hiện quán hiện quán về đế cũng có vô lượng loại. Nghĩa là pháp Bồ đề phần như Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Đạo chi, với vô lượng sai biệt.

Như Trí hiện quán hiện quán về đế, nên biết hiện quán về đế của Trí hiện quán biên, hiện quán về cứu cánh, cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán này, do tên gọi như thế, do chỗ an lập của ngôn thuyết như thế, nên nói là tự tánh của chúng, nên nói không phải là tự tánh của chúng?

Đáp: Theo thế tục, nên nói là tự tánh của chúng. Theo Đệ nhất nghĩa, nên nói không phải là tự tánh của chúng. Vì sao? Vì nghĩa của tất cả pháp là “pháp nhĩ” không thể nêu bày.

Hỏi: Hiện quán của Tư là nhân gì, quả gì? Như thế cho đến hiện quán về cứu cánh là nhân gì, quả gì?

Đáp: Hiện quán của tư dùng Phật xuất hiện ở đời, thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tương tục thành thực, tác ý như lý làm nhân. Lấy chỗ tạo nghiệp làm quả.

Như hiện quán của Tư, hết thấy hiện quán nên biết cũng thế. Ở đây có sai biệt: Hiện quán của Tín cũng dùng các hiện quán khác làm nhân. Hiện quán của Giới cũng thế.

Trí hiện quán hiện quán về đế cũng dùng hiện quán của Tư làm nhân. Cũng dùng thiện căn của phần Thuận quyết trạch làm nhân. Cũng dùng Tự chủng tánh làm nhân.

Trí hiện quán biên hiện quán về đế cũng dùng Trí hiện quán hiện quán về đế làm nhân. Hiện quán về cứu cánh cũng vậy.

Hỏi: Sáu hiện quán, bảy tác ý, tức như tác ý liễu tướng v.v... Vậy sáu hiện quán gồm sáu tác ý, hay bảy tác ý gồm sáu hiện quán?

Đáp: Hai hiện quán gồm sáu tác ý không phải. Một hiện quán gồm sáu là gồm sáu tác ý lạc. Một hiện quán gồm sáu là gồm sáu tác ý quan sát, tác ý lạc. Một hiện quán gồm sáu tác ý xa lìa, gồm sáu tác ý quả của gia hạnh cứu cánh. Tác ý còn lại nên biết là thuộc

về đẳng lưu của hiện quán, không phải hiện quán gồm thấu, đó là tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải.

Hỏi: Trí vô biên tế cùng với thiện căn của phần thuận quyết trách thuộc về hiện quán nào?

Đáp: Không phải các hiện quán gồm thấu, nên biết là đẳng lưu của hiện quán.

Hỏi: Các hiện quán của Tư cũng là hiện quán của Tín chăng? Hoặc nếu là hiện quán của Tín cũng là hiện quán của Tư chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có hiện quán của Tư không phải là hiện quán của Tín. Nghĩa là, trừ Tư duyên nơi vật báu quyết định, còn lại là các Tư duyên quyết định.

2. Hoặc có hiện quán của Tín không phải là hiện quán của Tư. Nghĩa là duyên nơi Tín do văn tu tạo thành của báu.

3. Hoặc có hiện quán của Tư cũng là hiện quán của Tín. Nghĩa là Tư duyên nơi báu quyết định.

4. Hoặc có không phải là hiện quán của Tư, cũng không phải là hiện quán của Tín. Nghĩa là trừ các tướng đã có trên.

Do đạo lý này nên biết phần còn lại cũng nên tạo ra bốn trường hợp. Lại có vô lượng một hành thuận với trường hợp trước, thuận với trường hợp sau nơi đạo lý của bốn trường hợp.

Dựa nơi đạo lý quyết trách của địa Thanh văn đều nên nhận biết rõ.

Lại nữa, xan (keo kiệt) cùng với cấu (cấu uest) hợp gọi là xan cấu.

Do tám thứ cấu nhiễm ô tâm tương tục, có thể cùng với xan kia tạo nên xứ an đủ, do đó chúng được gọi là xan cấu.

Những gì là tám thứ?

1. Đối với huệ thí, trước không thường xuyên tập, ở trong hiện pháp ái trọng của cải, thức ăn uống.

2. Đối với thân mạng hết sức ái trọng luyến tiếc, nhưng không quan tâm tới đời sau.

3. Cùng với xan luôn cùng dừng trụ, tùy thuận.

4. Thấy ruộng được thí không có công đức thù thắng cùng phân biệt chọn lựa ruộng phước.

5. Đối với từ bi, trước không thường hành tập, cùng ở nơi xứ kia không thấy đức hơn hẳn.

6. Do các thứ của cải, vật báu khó có thể tích tập nên luôn hành tập tưởng về chúng, sanh lười trễ, biếng nhác.

7. Chấp giữ nơi kiến, cùng cho huệ xả có tạp nhiễm.

8. Mong cầu của cải, vật báu mà hành huệ thí cùng hồi hướng nơi chúng.

Lại nữa, có năm thứ hành gọi là điều phục thiện:

1. Hành chiêu cảm của cải, giàu có.
2. Hành chiêu cảm về nẻo thiện.
3. Hành chiêu cảm không khổ.
4. Hành chiêu cảm tự nghĩa.
5. Hành chiêu cảm tha nghĩa.

- Hành chiêu cảm của cải, giàu có: Là sự phước nghiệp của tánh thí.

- Hành chiêu cảm về nẻo thiện: Là sự phước nghiệp của tánh giới.

- Hành chiêu cảm không khổ: Là sự phước nghiệp của tánh tu.

- Hành chiêu cảm tự nghĩa: Là đạo Thanh văn, Độc giác.

- Hành chiêu cảm tha nghĩa: Là đạo Bồ tát.

Vì đạt được chúng nên tu năm tướng:

1. Ở trong các dục tu tướng bất tịnh.
2. Đối với thân mạng tu tướng mau chóng hoại diệt.
3. Ở trong cõi dục tu tướng có sợ hãi.
4. Ở trong các hành tu tướng vô thường.
5. Đối với các chúng sanh tu tướng thương xót.

Lại nữa, sẽ giải thích về kinh ĐỀ HỒ DỤ.

Thế nào là nhận biết rõ về Khế kinh cho đến luận nghị? Nghĩa là lược do năm tướng:

1. Nhận biết rõ về giả danh.
2. Nhận biết rõ về chỗ thâm nhận.
3. Nhận biết rõ về thứ lớp.
4. Nhận biết rõ về Thánh giáo.
5. Nhận biết rõ về chốn dựa.

- Thế nào là nhận biết rõ về giả danh? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về sự thiết lập pháp môn danh, tướng có sai biệt.

- Thế nào là nhận biết rõ về chỗ thâm nhận? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về danh thân, cú thân, văn thân, do đầy nếu rõ về pháp môn sai biệt.

- Thế là nhận biết rõ về thứ lớp? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về thứ lớp hiện có từ pháp môn này đến pháp môn kia, từ câu này đến câu kia.

- Thế nào là nhận biết rõ về Thánh giáo? Tức có thể nhận biết rõ về pháp môn như thế, Đức Như lai đã giảng nói, hoặc đệ tử của Phật

đã thuyết giảng, hoặc thuyết giảng cho hàng tại gia, hoặc thuyết giảng cho hàng xuất gia.

- Thế nào là nhận biết rõ về chốn dựa? Là có thể nhận biết rõ về pháp môn như thế là dựa nơi tự lợi mà nói. Pháp môn như thế là dựa nơi lợi tha mà nói. Pháp môn như thế, cho đến là khiến cho hàng trời người đạt được lợi ích an lạc nên nêu giảng.

Như vậy gọi là lược do năm thứ tướng, nhận biết rõ về Khế kinh cho đến luận nghị.

- Thế nào là nhận biết rõ về ngữ nghĩa của các thứ kia? Cũng do năm tướng:

1. Nhận biết rõ về duyên khởi.
2. Nhận biết rõ về câu sai biệt.
3. Nhận biết rõ về thứ lớp.
4. Nhận biết rõ về đạo lý.
5. Nhận biết rõ về nghĩa tóm lược.

- Thế nào là nhận biết rõ về duyên khởi? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về một phần nơi đối tượng giáo hóa ứng hợp với nghĩa thị hiện, cho đến một phần nơi đối tượng giáo hóa ứng hợp với nghĩa vui mừng.

- Thế nào là nhận biết rõ về câu sai biệt? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về sự dạy, giải của tướng khác, môn khác với ngôn từ, phẩm loại sai biệt.

- Thế nào là nhận biết rõ về thứ lớp? Là có thể nhận biết rõ về thứ lớp giải thích, thứ lớp thành lập, thứ lớp viên mãn.

- Thế nào là nhận biết rõ về đạo lý? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về bốn thứ đạo lý:

1. Đạo lý quán đái.
2. Đạo lý chứng thành.
3. Đạo lý tác dụng.
4. Đạo lý pháp nhĩ.

- Thế nào là nhận biết rõ về nghĩa tóm lược? Là có thể nhận biết rõ đây là ngôn ngữ tương ứng của Uẩn. Đây là ngôn ngữ tương ứng của Giới, Xứ, Duyên khởi, Xứ phi xứ, Đế. Đây là ngôn ngữ tương ứng của Niệm trụ, cho đến đây là ngôn ngữ tương ứng của tám chi Thánh đạo. Đây là ngôn ngữ tương ứng của Nghiệp. Đây là ngôn ngữ tương ứng của Phiền não. Đây là ngôn ngữ tương ứng của ba học như giới tăng thượng học v.v...

Lại nữa, thế nào là biết thời? Nghĩa là do năm tướng:

1. Thông tỏ về tạp nhiễm đang hiện tiền.

2. Thông tỏ về tạp nhiễm sắp hiện tiền.
3. Thông tỏ về phần vị không tạp nhiễm.
4. Tác ý đối trị cùng khởi.
5. Tác ý đối trị.

Lại nữa, thế nào là biết lượng? Nghĩa là đối với các việc ăn uống, cho đến nói rộng.

Nên biết ở đây, lược nói về hai thứ xét đoán về tánh tùy thuận:

1. Tánh tùy thuận nhận giữ.
2. Tánh tùy thuận tinh tấn.

- Tánh tùy thuận nhận giữ: Là đối với các việc ăn uống nếm nuốt v.v... luôn khéo nhận biết về lượng.

- Tánh tùy thuận tinh tấn: Là đối với các việc hoặc đi hoặc trụ cho đến nói rộng, luôn khéo nhận biết về lượng.

Ở đây, thế nào là đối với việc ăn uống khéo nhận biết về lượng. Nghĩa là ở trong việc nhận lấy và thọ dụng đều khéo nhận biết về lượng.

Ở trong việc nhận lấy, khéo nhận biết về lượng: Nghĩa là, lúc này nên nhận, theo đây nên nhận, chốn ấy nên nhận, ngang với đây nên nhận..

Ở trong việc thọ dụng, khéo nhận biết về lượng: Nghĩa là, như chỗ đã nhận, ở trong lúc này nên có thể thọ dụng.

Ở trong thời gian nào nên có thể thọ dụng? Nghĩa là như trước đã nói, phần đầu của ngày là thời gian thọ dụng.

Ở nơi xứ nào nên có thể thọ dụng? Nghĩa là, ở nơi xứ sở thích hợp, hoặc ở nơi đạo tràng, hoặc tại xóm làng.

Nơi vật dụng nào nên thọ dụng? Nghĩa là, như trước đã nói về vật thanh tịnh v.v..., Đức Như lai đã cho phép.

Ngang với mức nào nên thọ dụng? Nghĩa là khéo nhận biết về lượng nên có thể thọ dụng, chớ khiến đói phiền, chớ nên không thuận với sự xét đoán, chớ khiến các giới khởi không bình đẳng.

- Thế nào là đối với việc siêng năng, tinh tấn khéo nhận biết về lượng? Nghĩa là, nơi thời gian này, xứ này, sự việc này, ngang bằng với đây, nên siêng năng tinh tấn.

Nơi những thời gian nào nên siêng năng tinh tấn? Nghĩa là đối với thời gian nên làm mà làm, cho đến đối với thời gian nên thôi ngủ nghỉ thì thôi ngủ nghỉ.

Đối với nơi chốn nào nên siêng năng tinh tấn? Nghĩa là, ở nơi chốn núi rừng vắng lặng, hoặc tại đạo tràng, hoặc ở nội viện, hoặc chốn

kinh hành, nên tu tinh tấn.

Nơi những sự việc nào nên tu tinh tấn? Nghĩa là, nên siêng năng hành, siêng năng trụ, cho đến siêng năng thôi dứt ngủ nghỉ, mệt nhọc.

Ngang bằng với gì nên tu tinh tấn hiện có? Nghĩa là, khéo nhận biết về lượng mà tu tinh tấn, chớ nhân đầy mà quá hôn trầm, quá trạo cử?

Lại nữa, thế nào là khéo nhận biết về chúng Sát-đế-lợi? Nghĩa là, khéo nhận biết rõ về chúng Sát-đế-lợi, với tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế, ăn uống như thế, cho đến biên vực của thọ mạng như thế.

Như vậy cho đến khéo nhận biết về các chúng Trưởng giả, Cư sĩ v.v...

- Thế nào là khéo nhận biết về các chúng Sa-môn? Nghĩa là có thể khéo nhận biết về tên gọi của chúng ấy là như thế. Đây là thiếu niên, đây là trưởng niên, đây là lão niên. Đây là vị trì kinh, cho đến đây là vị có thể trì luận. Khéo nhận biết đây là sư Du-già.

Lại nữa, thế nào là khéo nhận biết về ta, ở trong ấy phải nên đi đến nơi, cho đến nên im lặng? Nghĩa là, nếu lược nói, vì đây nên đi tới, cho đến nên im lặng, cùng như đây nên đi tới, cho đến nên im lặng.

Do việc làm gì nên đi đến chúng tại gia, cho đến nên im lặng? Nghĩa là vì cầu xin các thứ vật dụng nuôi sống. Hoặc lại vì khiến cho kẻ chưa tin thì tin, đã tin rồi thì tăng trưởng. Hoặc vì để thăm hỏi, an ủi khi họ gặp phải các khổ do bệnh tật nặng. Hoặc vì để mở bày, dứt bỏ các sự sầu lo. Hoặc vì để lần lượt hòa giải các kẻ oán đối, chống trái nhau. Hoặc là để tùy thuận sự việc được tạo tác của kẻ khác. Hoặc lại vì chỗ khuyến thỉnh của người khác. Hoặc vì đi theo các vị Quý phạm sư, Thân giáo sư, đồng phạm hạnh. Hoặc vì sự việc tạo tác, gây dựng cho Tăng chúng. Do đó nên đi đến nơi chúng tại gia cho đến im lặng.

- Thế nào là nhận biết rõ nên đi đến như thế? Nghĩa là như nơi địa Thanh văn đã nói về tướng.

- Thế nào là nhận biết rõ nên trụ như thế? Tức là đi đến nơi rồi không nên vào liền, tới gần cửa bên trong nên thông thả mà trụ. Hoặc không nghi, lo, từ từ đi vào nhà, đến chỗ cùng gặp, theo sự chấp thuận mà trụ. trước nói lời thăm hỏi an ủi, diện mạo vui vẻ, xa lìa mọi cau có mới hiện bày lời thân ái.

- Thế nào là nhận biết rõ nên an tọa như thế? Nghĩa là Đức Phật đã cho phép, tùy chỗ ngồi như pháp hiện có, giữ đúng oai nghi, đoan nghiêm mà ngồi.

- Thế nào là nhận biết rõ nên nói giảng như thế? Nghĩa là khéo nhận biết rõ như thời, như lý, như lượng, tịch tĩnh, ngay thẳng mà nói.

Thời có ba loại:

1. Vui thích nghe, không phải là không vui thích nghe. Không vui thích nghe: Nghĩa là như có một người, hoặc do đói khát, hoặc thân mỗi mệt, hoặc bị bức náo do gió nóng v.v... Đó gọi là thời thứ nhất.

2. An trụ như pháp, đứng oai nghi, không phải là không oai nghi. Hoặc lại có kẻ, tuy vui thích muốn nghe, nhưng không có oai nghi. Trụ không oai nghi: Nghĩa là không nên lập làm người ngồi để nghe thuyết giảng, trừ người ấy bị bệnh nặng, như nơi kinh Biệt giải thoát đã nói rộng về tướng. Là thời thứ hai.

3. Tâm không có nhiễm nã, không phải là tâm nhiễm nã. Tâm nhiễm nã: Nghĩa là như có một người tâm vội vàng, đối với các sự việc luôn cực nhọc hết mực. Hoặc buông thả, hoặc tán loạn, hoặc lại lẫn lộn, hoặc là tội lỗi của kẻ khác, hoặc tạo nghiệp, hoặc lại sát sanh, hoặc là kẻ oán địch. Là thời thứ ba.

Lý có ba loại: Nghĩa là có câu thỉnh, câu thỉnh như pháp, câu thỉnh như lượng, mới vì họ tuyên thuyết như pháp; vì thuyết giảng có nghĩa lợi.

Do ba thứ tướng nên biết là như lượng:

1. Không tán loạn, không hỗn tạp mà có chỗ thuyết giảng.

2. Câu văn viên mãn tuyên thuyết các pháp.

3. Phạm chỗ tuyên thuyết, ngôn từ không nên trùng lặp.

Nghĩa là không nói lặp lại ngôn từ hiện có, hoặc các lời nói vô dụng phi nghĩa hãy còn không nói chút ít, hướng hồ là nói nhiều.

Nên biết tịch tĩnh cũng có ba loại:

1. Oai nghi tịch tĩnh.

2. Ngôn âm tịch tĩnh.

3. Tâm ý tịch tĩnh.

- Oai nghi tịch tĩnh: Nghĩa là các căn tịch tĩnh, không có vội gấp, cũng không phấn khích quá mức, các chi tiết bất động mà có nói năng.

- Ngôn âm tịch tĩnh: Âm thanh được nêu bày không quá cao, cũng không quá gấp.

- Tâm ý tịch tĩnh: Tức tuy bị xúc nã cũng không sanh giận dữ, mà có giảng nói, hướng chỉ là không bị xúc nã, lại không có tâm nhiễm mà có chỗ nêu bày.

Lại, lời nói ngay thẳng cũng có ba loại: Nghĩa là như đúng lúc, nói đúng lúc, cho đến lúc nói lời vắng lặng. Hoặc do từ trước đã hành

tập phương tiện theo tánh mà nói. Hoặc do nơi hiện pháp thường xuyên hành tập tác ý gia hạnh mà nói. Hoặc do yêu thích học xứ, dùng lực xét chọn mà tự điều phục mới có chỗ nêu bày. Nơi tất cả thời không có hư dối, hoặc ẩn giấu hoặc hiển bày, những điều nói ra đều không hai.

Thế nào là nhận biết rõ nên im lặng? Nghĩa là khéo nhận biết rõ ở trong năm thời phải nên im lặng:

1. Thời gian người nói đang nêu bày, nếu người nghe kia cố tạo ra lời nói khác, hiện tướng náo loạn, bấy giờ người nói phải nên im lặng.

2. Thời gian người nói đang giảng nói, nếu người nghe kia nói lời bác bỏ, chấm dứt không muốn nghe, bấy giờ người nêu giảng nên im lặng.

3. Thời gian người nói đang nói, nêu, nếu người nghe kia đối với người thuyết giảng khởi tâm tìm kiếm lỗi lầm, phát lời trái ngược, tranh chấp, hiện tướng chống đối, bấy giờ người giảng nói nên im lặng.

4. Thí chủ đem các thứ y phục, thức ăn uống v.v... đến, hết lòng thỉnh cầu, bấy giờ người thọ nhận phải nên im lặng chấp thuận.

5. Nếu có kẻ tranh luận đến để cùng tranh biện, bấy giờ luận giả phải nên im lặng để nghe họ nêu bày.

Lại nữa, lại do ba tướng nên tự nhận biết rõ về chỗ tin tưởng hiện có của mình, cho đến là kẻ thiện nam:

1. Do chỗ dựa.

2. Do tự tánh.

3. Do thời phần.

- Thế nào là do chỗ dựa, nên nhận biết rõ về sự tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật, nếu sự việc là chỗ nương dựa của niềm tin, tin duyên nơi đây sanh, nên biết sự việc ấy quyết định là chỗ dựa cho sự tin tưởng của mình.

- Thế nào là do tự tánh, nên nhận biết rõ về chỗ tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật về chỗ tin tưởng hiện có của mình thuộc phẩm thượng trung hạ.

- Thế nào là do thời phần nên nhận biết rõ về chỗ tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật vào thời gian ấy mình đã có được sự tin tưởng ấy.

Như nhận biết rõ về Tin, nhận biết rõ về Giới, về Biện v.v... phần sau đều sẽ nhận biết. Ở đây, Tin là chi Hương nhập. Giới là chi Xa-ma-tha đã nhập. Nghe là chi Tỳ-bát-xá-na. Xả là chi tư lương của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Huệ do nội tư tạo thành, cùng thuận theo sự chỉ dạy, khuyến bảo, trao truyền của kẻ khác, là chi có thể thâm nhận cả

Chỉ (Xa-ma-tha), Quán (Tỳ-bát-xá-na). Nương dựa vào đấy nên chứng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cùng có thể chứng đắc các quả Sa-môn. Nơi chỗ tự chứng đắc với các nghĩa sâu xa vi tế, nếu có gia hạn dục sanh nghi hoặc, vì đoạn trừ nghi, nên như chỗ đã chứng đắc, vì các kẻ kia mà nêu bày rõ.

Lại vì nhằm hàng phục các luận giả đối địch, nên cần có biện tài. Đối với kẻ khác, lúc thân ngữ dấy khởi hành tà, cần có tánh của hàng thiện nam thuộc về nhẫn nhục, nhu hòa.

Lại nữa, do ba nhân duyên nên phát sanh không tin:

1. Do không chánh tri về công đức của Tam bảo.
2. Do hành theo kiến giải của ngoại đạo.
3. Chưa được gặp ba thứ thần biến của chư Phật và Thánh đệ tử, tùy theo một loại để được điều phục.

Lại nữa, do ba nhân duyên nên không thể luôn đi đến vườn rừng tịch tĩnh:

1. Do chỗ trói buộc của phóng dật và biếng nhác.
2. Do có nhiều sự việc hành tác.
3. Do người tin thuận.

Lại nữa, do ba nhân duyên làm tánh nên không thích chỗ đã học hiểu tới nơi kẻ khác:

1. Tánh không biết sợ hãi.
2. Tánh cao ngạo, kiêu mạn.
3. Dựa nơi văn tự.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thích thân cận kẻ khác:

1. Tánh không thông sáng, lạnh lợi.
2. Tánh không phải là phước điền.
3. Không có vui thích, mong muốn tột bậc.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thích thỉnh vấn kẻ khác:

1. Đối với pháp không thân thiện.
2. Đối với nghĩa không thân thiện.
3. Đối với cả hai thứ đều không thân thiện.

Do ba nhân duyên nên không thể lắng nghe kỹ:

1. Nhiều tâm, tứ.
2. Nhiều sự việc.
3. Nhiều các thứ cái, triền khiến tâm tạp nhiễm.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể quyết định nhận giữ:

1. Không lắng nghe.
2. Lắng nghe điều xấu ác.

3. Huệ thù thắng bị che lấp.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể quán xét các pháp:

1. Vui chấp nơi hý luận.
2. Yêu thích ở chốn ồn tạp.
3. Không thành tựu huệ quán xét kỹ.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể theo pháp hành pháp:

1. Do luyện tức thân mạng.
2. Do nơi lực tăng thượng kia nên vui thích, tham đắm lợi dưỡng.
3. Do vui thích, tham chấp nơi sự cung kính.

Do ba nhân duyên nên không vui thích tu hành hạnh lợi tha:

1. Tánh thuộc chủng tánh thấp kém.
2. Tâm bị còn mỏng, ít.
3. Không có uy lực.

Như thế, phẩm Bạch cùng với ba thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, các Thánh đệ tử, không phải là một mà có rất nhiều, đủ loại sự việc du quán có thể đạt được. Đó là:

- Du quán nơi bến sông.
- Du quán nơi hang núi.
- Du quán nơi nẻo quý.

Vô số các loại du quán như thế, về sự có thể đạt được.

Hỏi: Do nhân duyên nào, các bậc Đại Thanh văn đã được thần thông, mới đi đến cõi quý cật vấn các quý. Là từ nghiệp báo trước, là vì trừ bỏ tự nghi, là vì tạo lợi ích cho chúng sanh? Nếu vì trừ bỏ tự nghi, vì đã chứng đắc thần thông là không hợp đạo lý. Nếu vì tạo lợi ích cho chúng sanh thì phải nói vì sao tạo lợi ích cho chúng sanh?

Đáp: Vì tạo lợi ích cho chúng sanh. Nghĩa là nhằm tạo lợi ích cho các Ngạ quỷ này cùng các chúng sanh khác. Vì sao? Vì do lực thần thông nên khiến các Ngạ quỷ nhớ nghĩ về đời trước, tự nói về nghiệp ác do thân trước đã tạo, nên sanh hối tiếc chán lia sâu xa. Nhân đấy, vì họ giảng nói pháp, liền có thể lãnh nhận tỏ ngộ. Do nhân duyên ấy nên mau chóng lia bỏ cõi quý. Như vậy gọi là tạo lợi ích cho các quý.

Các bậc Đại Thanh văn đã được thần thông, nghe các Quỷ nói về việc thọ nhận vô số quả khổ não do nghiệp ác đã tạo từ đời trước, bèn trở lại nhân gian lần lượt nêu bày. Kẻ khác đã nghe rồi, tâm sanh chán bỏ, đoạn ác tu thiện. Như thế gọi là tạo lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, do sáu thứ tướng, nên biết các sắc của hành dục gọi là

thô. Những gì là sáu tướng? Đó là:

1. Rất nhiều nên thô.
2. Trầm trọng nên thô.
3. Bất tịnh nên thô.
4. Cứng chắc nên thô.
5. Biến hoại nên thô.
6. Không tùy tâm chuyển, nên thô.

Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không nhắc đến nữa. Lại, văn của các quyết trạch nơi địa Độc giác cũng không nêu nữa.

